CHÍNH PHỦ

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 171/2004/NĐ-CP ngày 29/9/2004 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh).

2. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm có Sở và cơ quan tương đương Sở (sau đây gọi chung là Sở).

3. Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ban quản lý các khu công nghiệp, Ban quản lý các khu công nghệ cao, Ban quản lý các khu kinh tế mở, Ban quản lý các khu kinh tế cửa khẩu, các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức thuộc cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đặt tại địa phương không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Tinh gọn, hợp lý, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trên địa bàn cấp tỉnh và bảo đảm sự thống nhất quản lý ngành, lĩnh vực công tác từ trung ương đến địa phương.

2. Tổ chức quản lý đa ngành, đa lĩnh vực trên địa bàn cấp tỉnh; không nhất thiết ở trung ương có Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ nào thì cấp tỉnh có tổ chức tương ứng.

3. Phù hợp với điều kiện tự nhiên, dân số, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương và yêu cầu cải cách hành chính nhà nước.

4. Bảo đảm đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục thành lập cơ quan chuyên môn được quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Vị trí và chức năng của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và theo quy định của pháp luật; góp phần bảo đảm sự thống nhất quản lý của ngành hoặc lĩnh vực công tác từ trung ương đến cơ sở.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra về nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn cấp trên.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định, chỉ thị về các lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

2. Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 5 năm và hàng năm về lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

3. Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về cải cách hành chính nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

4. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể các đơn vị thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh theo quy định của pháp luật; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục trực thuộc.

5. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành tiêu chuẩn, chức danh đối với Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý.

6. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình.

7. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về giám định, đăng ký, cấp giấy phép, văn bằng, chứng chỉ thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh theo quy định của pháp luật, theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

8. Giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và tổ chức phi chính phủ thuộc các lĩnh vực quản lý của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

9. Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở

Tài chính hướng dẫn, kiểm tra cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện hợp tác quốc tế về các lĩnh vực quản lý của Sở theo quy định của pháp luật, sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

11. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực quản lý của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

12. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ của mình.

13. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

14. Kiểm tra, thanh tra theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách đối với tổ chức, cá nhân trong thực hiện các quy định của pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng, lãng phí theo quy định của pháp luật hoặc phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

15. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của văn phòng, các phòng nghiệp vụ và đơn vị sự nghiệp thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; quản lý biên chế, thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

16. Quản lý tài chính, tài sản của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

17. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm có:

1. Văn phòng, Thanh tra, Phòng nghiệp vụ;

2. Chi cục (không nhất thiết cơ quan chuyên môn nào cũng có);

3. Các tổ chức sự nghiệp (không nhất thiết cơ quan chuyên môn nào cũng có).

Điều 6. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là người đứng đầu, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phụ trách.

2. Phó Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là

người giúp Thủ trưởng chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng về các nhiệm vụ được phân công. Khi Thủ trưởng vắng mặt một Phó Thủ trưởng được Thủ trưởng ủy nhiệm điều hành các mặt hoạt động của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh.

Số lượng Phó Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không quá 3 người.

3. Việc điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, quyết định cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chế độ làm việc và trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm việc theo chế độ thủ trưởng.

2. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ các quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy chế làm việc, chế độ thông tin báo cáo của cơ quan và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện quy định đó sau khi được ban hành.

3. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình và các công việc được Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc ủy quyền; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm khi để xảy ra tình trạng tham nhũng, gây thiệt hại trong tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của mình.

4. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quản lý ngành, lĩnh vực ở trung ương về tổ chức, hoạt động của cơ quan mình; xin ý kiến về những vấn đề vượt quá thẩm quyền và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân khi có yêu cầu; phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp để giải quyết các vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Chương II

TỔ CHỨC CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

Điều 8. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được tổ chức thống nhất

1. Sở Nội vụ: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng

quản lý nhà nước về nội vụ, gồm: tổ chức bộ máy, biên chế các cơ quan hành chính, sự nghiệp; cải cách hành chính; tổ chức chính quyền địa phương, quản lý địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; tổ chức hội và tổ chức phi chính phủ.

2. Sở Tài chính: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài chính, ngân sách nhà nước, thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước, đầu tư tài chính, tài chính doanh nghiệp, kế toán, kiểm toán, giá cả và hoạt động dịch vụ tài chính tại địa phương theo quy định của pháp luật.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kế hoạch và đầu tư, bao gồm các lĩnh vực: tổng hợp về quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tổ chức thực hiện và kiến nghị, đề xuất về cơ chế, chính sách quản lý kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; đầu tư trong nước, đầu tư ngoài nước ở địa phương; quản lý nguồn hỗ trợ phát triển chính thức ODA, đấu thầu, đăng ký kinh doanh trong phạm vi địa phương.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, phòng chống lụt bão, bảo vệ đê điều, phát triển nông thôn, diêm nghiệp, thủy sản (ở những tỉnh không thành lập Sở Thủy sản).

5. Sở Công nghiệp: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, gồm: cơ khí, luyện kim, hóa chất (bao gồm cả hóa dược), điện, dầu khí (nếu có), công nghiệp khai thác khoáng sản, vật liệu nổ công nghiệp, công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm, công nghiệp chế biến khác.

6. Sở Xây dựng: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về xây dựng tại địa phương, gồm: xây dựng, vật liệu xây dựng, nhà ở và công sở, kiến trúc, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn; hạ tầng kỹ thuật đô thị (bao gồm hè, đường đô thị, cấp nước, thoát nước, chiếu sáng, công viên cây xanh, rác thải đô thị, nghĩa trang, bãi đỗ xe trong đô thị).

7. Sở Giao thông vận tải (ở các thành phố trực thuộc Trung ương là Sở Giao thông - Công chính): tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giao thông - vận tải, gồm: đường bộ, đường thủy nội địa.

Đối với Sở Giao thông - Công chính ngoài thực hiện các quy định trên đây, có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị, gồm: cấp thoát

nước, vệ sinh môi trường đô thị, công viên cây xanh và chiếu sáng, rác thải, bãi đỗ xe đô thị.

8. Sở Tài nguyên và Môi trường: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ.

9. Sở Thương mại và Du lịch: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực thương mại, du lịch gồm: lưu thông hàng hóa trong nước và xuất khẩu, nhập khẩu; quản lý thị trường; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; quản lý lĩnh vực cạnh tranh, chống độc quyền, chống bán phá giá; xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, đăng ký thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân và của doanh nghiệp du lịch Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực thương mại, du lịch tại nước ngoài và của thương nhân nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực thương mại, du lịch tại Việt Nam.

10. Sở Khoa học và Công nghệ: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khoa học và công nghệ, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm, hàng hóa; nhãn hàng hóa, sở hữu trí tuệ (không bao gồm quyền tác giả về văn học, nghệ thuật và nhãn hiệu hàng hóa); an toàn bức xạ và hạt nhân.

11. Sở Giáo dục và Đào tạo: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo (trừ dạy nghề).

12. Sở Y tế: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, gồm: y tế dự phòng; khám, chữa bệnh; phục hồi chức năng; y học cổ truyền, thuốc phòng chống bệnh cho người, mỹ phẩm ảnh hưởng đến sức khỏe con người; an toàn, vệ sinh thực phẩm và trang thiết bị y tế.

13. Sở Văn hóa - Thông tin và Thể dục thể thao: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về văn hóa, thông tin, gồm: di sản văn hóa, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm, báo chí, xuất bản, in, phát hành, quyền tác giả đối với tác phẩm văn học - nghệ thuật, thư viện, quảng cáo, văn hóa quần chúng, thông tin cổ động, phát thanh và truyền hình, thể dục, thể thao theo quy định của pháp luật.

14. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lao động, việc làm, an toàn lao động, dạy nghề, chính sách đối với thương binh, liệt sỹ và người có công, bảo trợ xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, bảo hiểm xã hội, tiền lương, tiền công khu vực sản xuất kinh doanh.

15. Sở Tư pháp: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng

quản lý nhà nước về công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, thi hành án dân sự, công chứng, hộ tịch, quốc tịch, lý lịch tư pháp, luật sư, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, giám định tư pháp, hòa giải ở cơ sở, bán đấu giá tài sản và trọng tài thương mại và công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

16. Sở Bưu chính, Viễn thông: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bưu chính, viễn thông, điện tử, Internet, truyền dẫn phát sóng, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng thông tin.

17. Thanh tra tỉnh là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh tra và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính trong phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

18. Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực dân số, gia đình và trẻ em.

19. Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sẽ do Chính phủ quy định).

Điều 9. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được tổ chức theo đặc thù riêng của từng địa phương

Căn cứ điều kiện tự nhiên, dân số, tình hình phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước ở địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thành lập một số cơ quan chuyên môn trên cơ sở các tiêu chí sau:

1. Sở Ngoại vụ

a) Sở Ngoại vụ được thành lập ở những tỉnh có đường biên giới trên bộ và có cửa khẩu quốc tế hoặc quốc gia.

b) Đối với những tỉnh không có đường biên giới, nhưng phải có các tiêu chí:

- Có một trong các khu: khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mở, khu kinh tế cửa khẩu được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.

- Có khu du lịch quốc gia hoặc di sản văn hóa được UNESCO công nhận.

c) Sở Ngoại vụ tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác ngoại giao, biên giới lãnh thổ quốc gia (ở những tỉnh có đường biên giới trên bộ) theo quy định của pháp luật.

d) Đối với những tỉnh không đáp ứng đủ tiêu chí thành lập Sở Ngoại vụ theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này, được thành lập Phòng Ngoại vụ trực

thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Sở Du lịch

a) Sở Du lịch được thành lập ở những tỉnh có khu du lịch quốc gia, du lịch vùng có sản phẩm du lịch đặc trưng; du lịch văn hóa lịch sử, du lịch tham quan, nghiên cứu, nghỉ dưỡng hoặc du lịch được xác định là ngành kinh tế then chốt, có vai trò quan trọng đối với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và giải quyết lao động ở địa phương.

b) Sở Du lịch tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về du lịch, đăng ký lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài và của doanh nghiệp du lịch nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực du lịch.

c) Trường hợp thành lập Sở Du lịch riêng thì đổi tên Sở Thương mại và Du lịch thành Sở Thương mại và điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức cho phù hợp.

3. Sở Thủy sản

a) Sở Thủy sản được thành lập ở những tỉnh có biển, những tỉnh mà thủy sản là ngành kinh tế chính, có vai trò quan trọng đối với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và giải quyết lao động ở địa phương.

b) Sở Thủy sản tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về nuôi trồng, khai thác, chế biến, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

c) Trường hợp thành lập Sở Thủy sản riêng thì điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ về thủy sản từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sang Sở Thủy sản.

4. Sở Thể dục Thể thao

a) Sở Thể dục Thể thao được thành lập ở những tỉnh có phong trào thể dục thể thao quần chúng phát triển và thể thao thành tích cao; có cơ sở vật chất kỹ thuật gồm: sân vận động, nhà hoặc trung tâm tập luyện, thi đấu thể thao đạt chuẩn quy định cho cấp tỉnh trở lên.

b) Sở Thể dục Thể thao tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thể dục thể thao.

c) Trường hợp thành lập Sở Thể dục Thể thao thì đổi tên Sở Văn hóa - Thông tin và Thể dục Thể thao thành Sở Văn hóa - Thông tin và điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức cho phù hợp.

5. Thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh được thành lập Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

Sở Quy hoạch - Kiến trúc tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kiến trúc, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn.

6. Ban Tôn giáo: tiêu chí thành lập Ban Tôn giáo được thực hiện theo Nghị định số 22/2004/NĐ-CP ngày 12 tháng

01 năm 2004 của Chính phủ về kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân các cấp.

7. Ban Dân tộc: tiêu chí thành lập Ban Dân tộc được thực hiện theo Nghị định số 53/2004/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2004 của Chính phủ về kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân các cấp.

8. Cơ quan Kiểm lâm được tổ chức theo hệ thống ngành dọc; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Chương III

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VỀ TỔ CHỨC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN

Điều 10. Bộ trưởng Bộ Nội vụ

1. Trong trường hợp cần thiết, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thành lập, sáp nhập, giải thể các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và phân cấp quản lý của Chính phủ.

2. Phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quản lý ngành, lĩnh vực hướng dẫn cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về việc tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 11. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ

1. Trình Chính phủ quyết định phân cấp nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực công tác cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Ban hành tiêu chuẩn chức danh Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo ngành, lĩnh vực quản lý.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo ngành, lĩnh vực quản lý mà pháp luật quy định.

4. Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 12. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh:

a) Phê chuẩn cơ cấu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Điều 8 của Nghị định này;

b) Quyết định thành lập, sáp nhập, giải

thể một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Điều 9 của Nghị định này.

2. Quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 13. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Bổ nhiệm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan chuyên môn cấp tỉnh theo tiêu chuẩn, chức danh do Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quản lý ngành, lĩnh vực quy định (riêng việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Chánh Thanh tra cấp tỉnh thực hiện theo quy định của Luật Thanh tra).

2. Hàng năm báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn thành việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn cấp mình sau 90 ngày, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

2. Bãi bỏ Nghị định số 152/HĐBT ngày 13 tháng 12 năm 1983 của Hội đồng Bộ trưởng về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Nghị định số 39/CP ngày 18 tháng 5 năm 1994 của Chính phủ về hệ thống tổ chức và nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm lâm, Nghị định số 01/1998/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 1998 của Chính phủ về hệ thống y tế địa phương, Nghị định số 12/2001/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2001 của Chính phủ về việc tổ chức lại một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ đôn đốc, kiểm tra việc triển khai Nghị định này và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải